

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG PHẦN MỀM VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ HUẾ**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHẦN MỀM VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ HUẾ**

**(Sửa đổi lần thứ ba, được Đại hội đồng cổ đông  
Công ty cổ phần Phần mềm và Thương mại điện tử Huế  
thông qua ngày 03/4/2016)**

**Huế, tháng 4 năm 2016**

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	3
Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ .....	3
Điều 1: Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ và các quy định .....	3
Chương II QUY ĐỊNH CHUNG .....	4
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty .....	4
Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG.....	5
Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh.....	5
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	7
Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ..	7
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 06. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập.....	8
Điều 07: Chứng chỉ cổ phiếu.....	8
Điều 08: Sổ đăng ký cổ đông .....	9
Điều 09: Chào bán cổ phần .....	10
Điều 10: Chào bán cổ phần riêng lẻ .....	10
Điều 11: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu .....	11
Điều 12: Bán cổ phần .....	12
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần và thừa kế cổ phần .....	12
Điều 14: Mua lại cổ phần .....	13
Điều 15: Thu hồi cổ phần .....	13
Chương V TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT .....	15
Điều 16: Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty .....	15
Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG .....	15
Điều 17: Quy định chung về cổ đông.....	15
Điều 18: Quyền của cổ đông .....	15
Điều 19: Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 20: Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 21: Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22: Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 23: Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 25: Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 26: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông .....	25
Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 28: Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị .....	27
Điều 30: Tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên của Hội đồng quản trị	27
Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	27
Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	28
Điều 33: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị..	30
Điều 34: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ...	30

Chương VIII GIÁM ĐỐC .....	30
Điều 35: Giám đốc công ty .....	30
Chương IX BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 36: Ban kiểm soát .....	31
Điều 37: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát .....	32
Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	33
Chương X THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT .....	34
Điều 39: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc    34	
Điều 40: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	35
Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	35
Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY .....	36
Điều 42. Công nhân viên và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	36
Chương XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....	36
Điều 43     Cổ tức .....	36
Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận .....	38
Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	38
Điều 45.     Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 46.     Quỹ dự phòng tài chính.....	39
Điều 47.     Năm tài khóa .....	39
Điều 48.     Hệ thống kế toán .....	39
Chương XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN. ....	39
Điều 49.     Báo cáo tài chính.....	39
Điều 50.     Công bố thông tin.....	40
Chương XVI CON DẤU.....	40
Điều 51.     Con dấu .....	40
Chương XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....	40
Điều 52.     Chấm dứt hoạt động.....	40
Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông .....	41
Điều 54: Thủ tục giải thể Công ty .....	41
Điều 55: Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể.....	42
Chương XVIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	43
Chương XIX BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC .....	43
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
Điều 58: Ngày hiệu lực .....	44
Điều 59: Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	44
Phụ lục 1 .....	45

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 03 tháng 4 năm 2016.

### **Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ**

#### **Điều 1: Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ và các quy định**

- 1) Trừ trường hợp các điều khoản hoặc từ ngữ diễn đạt của điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:
  - a) “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Phần mềm và Thương mại Điện tử Huế, được thành lập và hoạt động theo điều lệ này;
  - b) "Hội đồng" hoặc "Hội đồng quản trị" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
  - c) "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 5 của điều lệ này.
  - d) "Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
  - e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
  - f) "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành đang có hiệu lực.
  - g) "Những người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2014.
  - h) “Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
- 2) Trong điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản của Nhà nước sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 3) Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong điều lệ này.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty**

1) Tên công ty:

Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Phần mềm và Thương mại Điện tử Huế

Tên tiếng Anh: Hue E-Commerce and Software Corporation

(Viết tắt: Huesoft Corp.)

Tên thương hiệu: Huesoft

Slogan: Không chỉ là công nghệ

Biểu tượng (logo)



2) Hình thức công ty: Công ty thuộc hình thức công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3) Trụ sở công ty:

Địa chỉ: 6 Lê Lợi, thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại: +84.54.3822725

Fax: +84.54.3823858

Email: [contact@huesoft.com.vn](mailto:contact@huesoft.com.vn)

Website: [www.huesoft.com.vn](http://www.huesoft.com.vn)

4) Tư cách pháp nhân của công ty

a) Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam

b) Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Có điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;

d) Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hoạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;

e) Có bản cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

5) Giám đốc là đại diện theo pháp luật của công ty;

- 6) Công ty được thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của công ty phù hợp với các nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;
- 7) Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 52 và Điều 53 của điều lệ này Công ty sẽ hoạt động vô thời hạn tính từ ngày thành lập.

### **Chương III**

## **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh**

1) Lĩnh vực hoạt động:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
3	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
6	Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý thực phẩm, đồ uống; đồ dùng gia đình; bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; đồ điện gia dụng, hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; dịch vụ thông tin.	4610
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình bao gồm: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.	4649
8	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

12	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
13	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh bao gồm: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
14	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet bao gồm: thực phẩm, đồ uống; đồ dùng gia đình; máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; đồ điện gia dụng, hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm.	4791
15	Xuất bản phần mềm	5820
16	Lập trình máy vi tính	6201
17	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20	Cổng thông tin	6312
21	Hoạt động thông tấn	6321
22	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
23	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
24	Quảng cáo	7310
25	Đại lý du lịch	7911
26	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: dịch vụ hỗ trợ bán hàng, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến hoạt động thương mại điện tử.	8299
28	Giáo dục nghề nghiệp	8532

29	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
30	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trên các ứng dụng phần mềm điện thoại di động và thiết bị cầm tay.	9329
31	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm

- 2) Mục tiêu của Công ty: Tập hợp tuổi trẻ có hoài bão thể hiện mình, có khát khao làm giàu biết tận dụng thời cơ của thời đại và năng lực hiện có của mình nhằm tạo ra một công ty thuộc lĩnh vực kinh tế tri thức mạnh hoạt động hiệu quả dựa trên một phương thức tổ chức quản lý hợp lý và một nền tảng văn hóa doanh nghiệp phù hợp thời đại.

#### **Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

- 1) Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 2) Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

### **Chương IV**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- 1) Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng)
- 2) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 115.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần
- 3) Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 4) Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm của cổ phần được quy định tại Điều 18 Điều lệ này.
- 5) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.



- 6) Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
- 7) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.
- 8) Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- 9) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 06. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập**

- 1) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.
- 2) Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
- 3) Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.

#### **Điều 07: Chứng chỉ cổ phiếu**

- 1) Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trừ trường hợp được quy định tại Khoản 7 của Điều 10 này.
- 2) Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các

thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

- 3) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
- 4) Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 5) Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo đúng quy định tại điều 120 Luật Doanh nghiệp.
- 6) Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 7) Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và điều lệ này.

#### **Điều 08: Sổ đăng ký cổ đông**

- 1) Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử tại trụ sở chính của Công ty từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2) Nội dung sổ đăng ký cổ đông :
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

### **Điều 09: Chào bán cổ phần**

- 1) Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- 2) Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
  - a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
  - b) Chào bán ra công chúng;
  - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- 3) Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

### **Điều 10: Chào bán cổ phần riêng lẻ**

- 1) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau đây:
  - a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;
  - b) Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);
- 2) Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;
  - c) Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;
  - d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 3) Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh;

- 4) Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

### **Điều 11: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu**

- 1) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.
- 2) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty được thực hiện như sau:
  - a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
  - b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;
  - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
- 3) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- 4) Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 08 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
- 5) Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu.

Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 08 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty

## **Điều 12: Bán cổ phần**

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- 1) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- 2) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
- 3) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- 4) Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định

## **Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần và thừa kế cổ phần**

- 1) Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 06 của Điều lệ này.
- 2) Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông. Hợp đồng chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.
- 3) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
- 4) Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 5) Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
- 6) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

- 7) Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 08 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 14: Mua lại cổ phần**

- 1) Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán theo quy định sau đây:
  - a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều 14 này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ của Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
  - c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.
  - d) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Việc chào bán phải xác định rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### **Điều 15: Thu hồi cổ phần**

- 1) Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất được lũy kế

trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

- 2) Thông báo ở phần trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
- 3) Nếu các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã nêu trong thông báo ấy vào bất cứ lúc nào trước khi cổ đông liên quan thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, tiền lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị sẽ chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại điều lệ này.
- 4) Cổ phần bị Công ty thu hồi hoặc do người sở hữu nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty và Công ty có thể bán, phân phối hoặc xử lý theo một cách nào đó hoặc cho người đã từng nắm giữ số cổ phần đó trước khi bị thu hồi hay nộp lại, hoặc cho một người khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một số người chuyển giao số cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
- 5) Cổ đông nào có cổ phần bị thu hồi hay đã nộp lại sẽ mất tư cách là cổ đông đối với số cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 9%/năm) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.
- 6) Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 16: Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty**

Cơ cấu quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty được tổ chức như sau:

- 1) Đại hội đồng cổ đông,
- 2) Hội đồng quản trị
- 3) Ban kiểm soát
- 4) Giám đốc

## **Chương VI**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 17: Quy định chung về cổ đông**

- 1) Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty nhưng không được quá mức quy định pháp luật hiện hành.
- 2) Cổ đông sáng lập của Công ty là cổ đông phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - a) Tham gia thông qua điều lệ đầu tiên của Công ty;
  - b) Cùng nhau nắm giữ tối thiểu 20% số cổ phần phổ thông;
  - c) Sở hữu tối thiểu 1,7% tổng số cổ phần của Công ty.

#### **Điều 18: Quyền của cổ đông**

- 1) Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 2) Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;



- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;
  - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 3) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 8.6% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.
  - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e) Các quyền khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.

### **Điều 19: Nghĩa vụ của cổ đông**

Các cổ đông phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

- 1) Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

- 2) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 3) Chấp hành các quyết định của đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- 4) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật;
- 5) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 20: Đại hội đồng cổ đông**

- 1) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2) Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Bầu Ban kiểm soát
  - b) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ của Công ty;
  - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty; Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
  - h) Quyết định mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - j) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công ty.

### **Điều 21: Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông**

- 1) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 2) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 3) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
- 4) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 của Điều 21 này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- 5) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp .

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- 6) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 của Điều 21 này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014 đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- 7) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 8) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

## **Điều 22: Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông**

- 1) Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp đại hội đồng cổ đông.
- 2) Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
  - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3) Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 của Điều 22 này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

Tuy nhiên Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều 22 này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của đại hội đồng cổ đông.

4) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

### **Điều 23: Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông**

1) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;

3) Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 24: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông**

1) Vào ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số điểm quyền biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội,

số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, đến số thẻ không tán thành nghị quyết, sau đó đếm số phiếu không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số điểm quyền bầu phiếu tán thành, không tán thành hay không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không bầu thì Chủ tọa sẽ bầu những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

- 3) Cổ đông đến dự đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 4) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tịch hoặc chủ tọa đề cử tổ thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
- 5) Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 6) Chủ tọa đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng
  - a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội,
  - b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc
  - c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

- 7) Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 của Điều 21 này, đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 8) Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 9) Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.
- 10) Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
  - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp đại hội đồng cổ đông;
  - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 11) Trong trường hợp tại đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó;
  - b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
- 12) Trong điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở trụ sở chính của Công ty.

Hàng năm Công ty phải tổ chức đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 25: Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông**

- 1) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- 2) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. Riêng sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngoài số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận phải có tối thiểu 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông sáng lập tham dự họp chấp thuận;
- 3) Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- 4) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.



- 5) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

### **Điều 26: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- 2) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
- 3) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 4) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

- 5) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

### **Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến đại hội, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1) Trình tự và thủ tục triệu tập họp đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ của Công ty hay Luật Doanh nghiệp;
- 2) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

## **Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 28: Hội đồng quản trị**

- 1) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.
- 2) Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của điều lệ này;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

- h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và những người quản lý quan trọng khác do Điều lệ của Công ty quy định; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và những người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên đại hội đồng cổ đông;
  - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
  - o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- 3) Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ của Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 4) Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

## **Điều 29: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị**

- 1) Hội đồng quản trị có tối thiểu 3 thành viên, không quá 7 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2) Cổ đông sở hữu ít hơn 8,6 % số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 8.6% đến dưới 17% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; từ 17% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử hai ứng viên.
- 3) Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 4) Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

## **Điều 30: Tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên của Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 2) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 4.3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người có ít nhất 5 năm kinh nghiệm quản lý trong các lĩnh vực chủ yếu mà Công ty đang hoạt động và kinh doanh.

## **Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 1) Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.
- 2) Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

- e) Chủ tọa họp đại hội đồng cổ đông;
  - f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- 3) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ của Công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

### **Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

- 1) Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc được đa số các thành viên đã được bầu bầu họ.
- 2) Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
- 3) Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 4) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 5) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- 6) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

- 7) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có thể dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 8) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 9) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền có thể để cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 33: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, các cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 2) Những cán bộ quản lý của Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 34: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

- 1) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ;
  - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
- 2) Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều 34 này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.
- 3) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ của Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

## **Chương VIII GIÁM ĐỐC**

### **Điều 35: Giám đốc công ty**

- 1) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 5 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp.

3) Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả những người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4) Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

## **Chương IX** **BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36: Ban kiểm soát**

1) Ban kiểm soát có từ ba đến năm thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



- 2) Cổ đông, nhóm cổ đông có cổ phần có quyền biểu quyết tại khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này được quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát.
- 3) Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán.
- 4) Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
  - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của đại hội đồng cổ đông
- 5) Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 37: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

- 1) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 2) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- 4) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.
- 5) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 của Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 6) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 7) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 8) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quyết định của đại hội đồng cổ đông.
- 9) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

- 1) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- 2) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 3) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi những người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
- 4) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, **Giám đốc**, những người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

## **Chương X**

### **THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 39: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc**

- 1) Công ty trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2) Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
  - c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 3) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và những người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Điều 40: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1) Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
- 2) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
- 3) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

- 1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 18.3 của điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 2) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và những người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 3) Công ty sẽ phải lưu điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và

bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

- 4) Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.

## **Chương XII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

#### **Điều 42. Công nhân viên và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội**

- 1) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ của Hiến Pháp, Pháp luật của nhà nước Việt Nam và theo các Điều lệ tổ chức mình phù hợp với quy định của Luật pháp.
- 2) Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và hoạt động theo các quy định tại Khoản 1 Điều này.
- 3) Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với những người quản lý và người lao động.
- 4) Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương XIII**

### **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 43 Cổ tức**

- 1) Theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông.
- 2) Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

- 3) Hội đồng quản trị có thể đề nghị đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 4) Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.
- 5) Nếu được đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 6) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
- 7) Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

## **Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

- 1) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi cụ thể cho từng năm.
- 2) Nguyên tắc trích lập và sử dụng quỹ:
  - a) Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế;
  - b) Hội đồng quản trị ban hành quy chế sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế;
  - c) Giám đốc thực hiện sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của Hội đồng quản trị.
- 3) Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 4) Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương XIV**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

- 1) Công ty sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 2) Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
- 3) Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 46. Quỹ dự phòng tài chính**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% Vốn Điều lệ của Công ty. Công ty có thể trích lập các loại quỹ khác theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 47. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

#### **Điều 48. Hệ thống kế toán**

- 1) Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 2) Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 3) Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **Chương XV**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.**

#### **Điều 49. Báo cáo tài chính**

- 1) Công ty phải lập bản báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 2) Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty phát triển thành tổng công ty thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.



## **Điều 50. Công bố thông tin**

- 1) Báo cáo tài chính hằng năm đã được đại hội đồng cổ đông thông qua sẽ được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
- 2) Công ty công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) các thông tin sau đây:
  - a) Điều lệ công ty;
  - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc công ty;
  - c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

## **Chương XVI CON DẤU**

### **Điều 51. Con dấu**

- 1) Hội đồng quản trị sẽ xác định nội dung và thông qua con dấu chính thức của Công ty theo những quy định của luật pháp.
- 2) Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong ban hành quy định sử dụng con dấu.
- 3) Con dấu là tài sản riêng của Công ty. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.

## **Chương XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

- 1) Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a) Toà án nhân dân của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - c) Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại đại hội đồng cổ đông hoặc qua uỷ quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;

- d) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;
  - e) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 2) Việc giải thể Công ty do đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định

### **Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông**

Trừ khi điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ 65% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong phạm vi pháp luật cho phép) để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

- 1) Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 2) Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị
- 3) Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### **Điều 54: Thủ tục giải thể Công ty**

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1) Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Lý do giải thể;
  - c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
  - d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
  - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 2) Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty.
- 3) Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

- 4) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.
- 5) Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
- 6) Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:
  - f) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - g) Nợ thuế;
  - h) Các khoản nợ khác.
  - i) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- 7) Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp
- 8) Trường hợp Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

#### **Điều 55: Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể**

Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, nghiêm cấm Công ty, người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

- 1) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- 2) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- 3) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- 4) Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp;
- 5) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;

- 6) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- 7) Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

## **Chương XVIII**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

- 1) Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty; hoặc
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay những người quản lý cao cấp khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2) Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó Toà kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Huế.
- 3) Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của toà án sẽ do toà phán quyết bên nào phải chịu.

## **Chương XIX**

### **BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

- 1) Việc bổ sung, sửa đổi điều lệ này phải được đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong

Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty

**Điều 58: Ngày hiệu lực**

- 1) Bản điều lệ này gồm 19 chương 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phần mềm và Thương mại điện tử Huế nhất trí thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ sửa đổi lần thứ III, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2014.
- 2) Điều lệ này lập thành 5 bản có giá trị như nhau: 4 bản lưu trữ tại trụ sở công ty, 01 bản khác được nộp và đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 3) Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và có hiệu lực ngay sau khi được các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết.
- 4) Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị

**Điều 59: Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC**

**Trần Phương Quang**

**Phụ lục 1**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ HUẾ**

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp					
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)/vốn điều lệ	Loại cổ phần		Thời điểm góp vốn
									Số lượng	Giá trị (đồng)		Phổ thông		
												Số lượng	Giá trị (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Lê Viết Dũng	01/01/1960	Nam	Việt Nam	Kinh	102 Chi Lãng, Phường Phú Cát, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	102 Chi Lãng, Phường Phú Cát, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191886571; 23/3/2012; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	23.000	230.000.000	20,00%	23.000	230.000.000	5/2012
2	Trương Đình Dũng	11/11/1972	Nam	Việt Nam	Kinh	69/25 Phạm Thị Liên, P. Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	69/25 Phạm Thị Liên, P. Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191248042; 2/3/2009; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	12.000	120.000.000	10,43%	12.000	120.000.000	5/2012
3	Trần Phương Quang	25/7/1980	Nam	Việt Nam	Kinh	06 Ngô Kha, P. Phú Hậu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	06 Ngô Kha, P. Phú Hậu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191421361; 16/6/2014; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	6.500	65.000.000	5,65%	6.500	65.000.000	5/2012

4	Nguyễn Việt Minh Quang	15/8/1978	Nam	Việt Nam	Kinh	256/2 Phan Chu Trinh, P. An Cựu, Tp Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	256/2 Phan Chu Trinh, P. An Cựu, Tp Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191410102, 14/09/2011, CA TT Huế	5.000	50.000.000	4,35%	5.000	50.000.000	5/2012
5	Nguyễn Hoàng Minh	04/01/1979	Nam	Việt Nam	Kinh	Thôn Nam Phổ Ha, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn Nam Phổ Ha, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	191407981, 25/2/2003, CA tỉnh Thừa Thiên Huế	6.900	69.000.000	6,00%	6.900	69.000.000	5/2012
6	Nguyễn Thị Thu Thủy	07/09/1979	Nữ	Việt Nam	Kinh	293 Nguyễn Sinh Cung, P. Vỹ Dạ, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	293 Nguyễn Sinh Cung, P. Vỹ Dạ, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191886568; 23/3/2012; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	3.000	30.000.000	2,61%	3.000	30.000.000	5/2012
7	Huỳnh Phương	20/12/1985	Nam	Việt Nam	Kinh	Thôn Mộc Trụ, xã Vinh Phú, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn Mộc Trụ, xã Vinh Phú, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	191538317, 25/5/2000; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	5.000	50.000.000	4,35%	5.000	50.000.000	5/2012
8	Võ Thanh Sơn	01/01/1981	Nam	Việt Nam	Kinh	Khu vực 3, P. Thủy Dương, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	Khu vực 3, P. Thủy Dương, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	191477461; 03/3/1998; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	5.000	50.000.000	4,35%	5.000	50.000.000	5/2012

9	Bùi Thị Thu Hiền	16/12/1979	Nữ	Việt Nam	Kinh	Tổ 8, khu vực 3, P. Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Tổ 8, khu vực 3, P. Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191451415; 22/3/2012; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	2.000	20.000.000	1,74%	2.000	20.000.000	4/2012
10	Huỳnh Kim Nguyễn	18/10/1982	Nam	Việt Nam	Kinh	3/21 Ngô Gia Tự, P. Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	3/21 Ngô Gia Tự, P. Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191460478; 5/4/2011; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	2.500	25.000.000	2,17%	2.500	25.000.000	4/2012
11	Nguyễn Duy Quang	07/01/1983		Việt Nam	Kinh	6/54 Phan Chu Trinh, P. An Cựu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	6/54 Phan Chu Trinh, P. An Cựu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191484544; 17/3/1998; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	2.500	25.000.000	2,17%	2.500	25.000.000	4/2012
12	Dương Văn Việt	25/11/1982	Nam	Việt Nam	Kinh	14/2 Nguyễn Xuân Ngà, P. Phú Bài, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	14/2 Nguyễn Xuân Ngà, P. Phú Bài, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	191462369; 5/6/2000; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	2.000	20.000.000	1,74%	2.000	20.000.000	4/2012
13	Nguyễn Việt Minh Dương	17/7/1975	Nam	Việt Nam	Kinh	256/2 Phan Chu Trinh, P. An Cựu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	256/2 Phan Chu Trinh, P. An Cựu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191377458; 21/8/2000; CA TT Huế	2.000	20.000.000	1,74%	2.000	20.000.000	5/2012



14	Lê Phước Bình	18/11/1977	Nam	Việt Nam	Kinh	Thôn Phò Nam A, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn Phò Nam A, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	191381276; cấp ngày 19/9/2005; CA Thừa Thiên Huế	2.000	20.000.000	1,74%	2.000	20.000.000	4/2012
15	Lê Thị Thu Minh	19/05/75	Nữ	Việt Nam	Kinh	Thôn Nam Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn Nam Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	191346320; 26/3/1999; CA tỉnh Thừa Thiên Huế	2.000	20.000.000	1,74%	2.000	20.000.000	5/2012
16	Nguyễn Văn Tâm	16/8/1979	Nam	Việt Nam	Kinh	Số 35 kiệt 34 Nguyễn Du, P. Phú Cát, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Số 35 kiệt 34 Nguyễn Du, P. Phú Cát, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191423889, 26/3/2012 CA TT Huế	2.500	25.000.000	2,17%	2.500	25.000.000	5/2012
17	Phan Đức Ngọc Phước	09/11/1985	Nam	Việt Nam	Kinh	2/97 Tôn Thất Thiệp, Phường Tây Lộc, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	2/97 Tôn Thất Thiệp, Phường Tây Lộc, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	191577286, 18/4/2001, CA tỉnh Thừa Thiên Huế	5.500	55.000.000	4,78%	5.500	55.000.000	8/2012
<b>Cộng</b>									<b>89.400</b>	<b>894.000.000</b>	<b>77,74%</b>	<b>89.400</b>	<b>894.000.000</b>	

